TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST Ngày: 02/6/2020 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà* ***Đoàn Thị Thanh Hà***.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà ***Tô Thị Lành.***

2. Ông ***Quách Đình Hoằng.***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Đặng Thị Lệ Quyên*** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn A. Sinh năm: 1986.
Địa chỉ: 697 đường P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
Bị đơn: Anh Đặng H. Sinh năm: 1982.
Địa chỉ: 400 đường P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn A trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Đặng H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/5/2013. Quá trình chung sống giữa chúng tôi đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết trong nhiều năm, cộng thêm tính cách vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên không nói chuyện trong thời gian dài, việc ai nấy làm, mạnh ai nấy sống nên những mâu thuẫn không hề được giải quyết, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, tôi và con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đặng H.

- Về con chung: Tôi và anh Đặng H có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là Đặng Nguyễn H một tháng 3.000.000đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng tự lập được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 05/3/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Đặng H trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn A tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/5/2013. Quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã được giải quyết, gia đình hai bên hòa giải. Đến tháng 4/2019 cô ấy bỏ về nhà mẹ ruột sống, tôi nhiều lần năn nỉ để vợ chồng hàn gắn nhưng cô ấy không đồng ý. Tôi vẫn còn tình cảm với cô ấy nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và chị Nguyễn A có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014. Trường hợp phải ly hôn theo yêu cầu của chị A thì tôi đồng ý để cho chị A trực tiếp chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn A đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng như ý kiến của anh Đặng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đặng H có địa chỉ tại 400 đường P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A và anh Đặng H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/5/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn A trình bày nguyên nhân dẫn đến việc chị quyết định yêu cầu ly hôn với anh Đặng H là do quá trình chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết trong nhiều năm, cộng thêm tính cách vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên không nói chuyện trong thời gian dài, việc ai nấy làm, mạnh ai nấy sống nên những mâu thuẫn không hề được giải quyết, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh H đi làm xa một tuần

về nhà 1 lần nhưng không quan tâm, chăm sóc và chia sẻ cùng chị, chị đã nhiều lần góp ý nhưng anh H không thay đổi. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay chị A đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Do vậy, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Anh Đặng H cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì đến mức trầm trọng và có thể hòa giải được. Anh H ít nói chuyện với chị Anh là do mỗi khi nói chuyện cả hai không tìm ra điểm chung, không thống nhất với nhau trong mọi vấn đề. Tuy nhiên, anh H cho rằng mâu thuẫn như vậy cũng chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn, vì vậy anh muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đặng H.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị A và anh H là có thật, đã diễn ra trong thời gian dài, anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại anh H vẫn không thuyết phục được chị A để vợ chồng về đoàn tụ, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Lý do theo chị trình bày là vì hiện giờ chị A đã không còn tình cảm với anh H, chị cũng đã cho anh H nhiều cơ hội nhưng đến hiện tại anh H vẫn không có gì thay đổi. Xét thấy, để xây dựng được một gia đình hạnh phúc cần thiết phải có sự tình nguyện, hòa hợp, đồng lòng vun đắp, thông cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau của cả vợ lẫn chồng, tuy nhiên hôn nhân giữa chị A và anh H đến thời điểm hiện tại đã không còn tồn tại các yếu tố nêu trên. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh H không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị A, không thuyết phục được chị A về đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu của chị A về việc ly hôn anh H là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nguyễn A và anh Đặng H có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Nguyễn H và anh H cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Xét thấy, nguyện vọng của chị A là chính đáng và phù hợp với quy định pháp luật. nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung của chị Anh và anh H là Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung là anh Đặng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014 mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 28/6/2020 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị A không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn A. Chị Nguyễn A được ly hôn với anh Đặng H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đặng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên là Đặng Nguyễn H, sinh ngày 06-8-2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004715 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Đặng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà